

Bản án số: 31/2018/HS-ST

Ngày 22 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Bùi Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Đức Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Kiều Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N sinh ngày 10 tháng 8 năm 1972 tại xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Khu 7, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị P và 05 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế huyện V;

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Lê Bá T
- Phó chi cục Trưởng phụ trách Chi cục thuế huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957 (có mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 8 phường L, thành phố Y, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt là Công ty A) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, MSDN: 2500217741, do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp, đăng ký lần đầu ngày 30/10/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 27/8/2015. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán cát, sỏi, đá ... Người đại diện theo pháp luật và giữ chức danh Giám đốc của Công ty như sau: Từ khi thành lập đến ngày 06/11/2011 là Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; từ ngày 07/11/2011 đến ngày 14/10/2012 là bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972, đều có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu 7, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc; từ ngày 15/10/2012 đến ngày 26/8/2015 chuyển lại cho Nguyễn Văn N và từ ngày 27/8/2015 đến nay là bà Nguyễn Thị P. Công ty kê khai và nộp thuế tại Chi cục thuế huyện V theo phương pháp khấu trừ.

Toàn bộ quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty A đều do Nguyễn Văn N chỉ đạo, điều hành và thực hiện. Trong năm 2011 và năm 2012, Nguyễn Văn N thuê xe ô tô vận chuyển của một số cá nhân trên địa bàn tỉnh nhưng không có hóa đơn chứng từ. Để hợp thức cho dịch vụ vận chuyển nêu trên, Nguyễn Văn N trực tiếp mua trái phép 07 hóa đơn giá trị gia tăng (Sau đây viết tắt là GTGT) của Công ty TNHH MQVP (Sau đây viết tắt là Công ty MQVP) do Nguyễn Văn M, sinh năm 1957, trú tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc làm Giám đốc (Nguyễn Văn M đồng thời cũng là kế toán của Công ty A) ghi khống dịch vụ vận chuyển gồm các số: 01 ngày 15/7/2011; số 38 ngày 03/12/2011; số 66 ngày 26/4/2012; số 96 ngày 10/9/2012; số 97 ngày 30/10/2012; số 114 ngày 31/11/2012 và số 126 ngày 31/12/2012 với tổng tiền hàng ghi trên 07 hóa đơn là: 1.657.099.983 đồng, tiền thuế GTGT là: 165.709.998 đồng, tổng tiền thanh toán là: 1.822.809.984 đồng. Theo thỏa thuận Nguyễn Văn N mua 7 hóa đơn của Nguyễn Văn M với giá 11% tính trên giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hết số tiền là: 182.280.998 đồng và N đã thanh toán trả đủ cho M. Sau khi mua 07 hóa đơn GTGT ghi khống dịch vụ nêu trên, Nham chỉ đạo M đưa vào kê khai quyết toán thuế của Công ty A các kỳ tính thuế tháng 7, 12/2011; tháng 4, 9, 10, 11, 12/2012.

Tháng 8, 9/2014, với mục đích hạch toán giá trị đầu vào làm giảm số tiền thuế GTGT phải nộp, Nguyễn Văn N liên hệ với bà Nguyễn Thị D - Giám đốc Công ty cổ phần vật tư thương mại Vĩnh Phúc (Sau đây viết tắt là Công ty VTTM Vĩnh Phúc), địa chỉ: Thị trấn G, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc để mua 02 hóa đơn GTGT của Công ty VTTM Vĩnh Phúc ghi không hàng hóa là dầu Diezen gồm các số: 89 ngày 01/8/2014 và số 524 ngày 06/9/2014 có tổng tiền hàng ghi trên 02 hóa đơn là: 287.270.591 đồng, tổng tiền thuế GTGT là: 28.727.059 đồng, tổng tiền thanh toán là: 315.997.650 đồng. Theo thỏa thuận Nguyễn Văn N mua hóa đơn của Công ty VTTM Vĩnh Phúc với giá 5% tính trên giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, hết số tiền là: 14.363.529 đồng và N đã thanh toán trả đủ cho Công ty VTTM Vĩnh Phúc. Sau khi mua được 02 hóa đơn GTGT nêu trên, Nguyễn Văn N đưa cho Phan Thị U giao cho Nguyễn Thị P1 là kế toán kê khai quyết toán thuế kỳ tính thuế quý 3/2014.

Để hợp thức cho việc mua bán trái phép 07 hóa đơn GTGT của Công ty MQVP nêu trên, Nguyễn Văn N đã sử dụng ủy nhiệm chi của Công ty A chuyển tiền từ tài khoản của Công ty A mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Vĩnh Phúc đến tài khoản của Công ty MQVP mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Vĩnh Phúc, sau đó M đến Ngân hàng làm thủ tục rút tiền ra trả cho N, từ ngày 04/6/2012 đến ngày 29/4/2014 Công ty A đã 05 lần chuyển tiền cho Công ty MQVP với tổng số tiền là: 1.822.809.984 đồng, sau đó M dùng Séc rút ra trả lại cho Nguyễn Văn N.

Để hợp thức cho việc mua bán trái phép 02 hóa đơn GTGT của Công ty VTTM Vĩnh Phúc, sau khi Công ty VTTM Vĩnh Phúc giao cho Nguyễn Văn C là lái xe đem 316.800.000 đồng nộp vào tài khoản của Công ty A mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn N ký ủy nhiệm chi của Công ty A để chuyển số tiền đã nộp từ tài khoản của Công ty A sang tài khoản của Công ty VTTM Vĩnh Phúc.

Như vậy từ tháng 7/2011 đến tháng 9/2014, Nguyễn Văn N - Giám đốc Công ty A mua tổng số 09 hóa đơn GTGT của Công ty MQVP và Công ty VTTM Vĩnh Phúc với tổng tiền hàng ghi trên 09 hóa đơn là: 1.944.370.574 đồng, tổng tiền thuế GTGT là: 194.437.057 đồng, tổng số tiền thanh toán là: 2.138.807.634 đồng. Sau đó N chỉ đạo Nguyễn Văn M - Kế toán kê khai, quyết toán thuế đối với 07 hóa đơn GTGT mua của Công ty MQVP, chỉ đạo Phan Thị P - Kế toán kê khai quyết toán thuế đối với 02 hóa đơn GTGT mua của Công ty VTTM Vĩnh Phúc. Tổng số tiền thuế GTGT Công ty A kê khai và được khấu trừ đối với 09 hóa đơn nêu trên là: 194.437.057 đồng (BL: 152-162, 250-258, 314-325, 347-350, 374-376, 383-390, 394-396, 431-440).

Ngoài hành vi mua và sử dụng bất hợp pháp hóa đơn nêu trên, Công ty A còn có hành vi vi phạm pháp luật về thuế, cụ thể như sau:

Từ năm 2010 đến năm 2015, Công ty A mua cát, sỏi của các cá nhân có tàu chở trên sông, thanh toán bằng tiền mặt và không có hợp đồng, hóa đơn, giấy tờ phản ánh việc mua bán. Để hợp thức số cát, sỏi đầu vào này, Công ty A lập không các giấy tờ như Hợp đồng mua bán, phiếu nhập kho, phiếu chi tiền, biên bản nghiệm thu... phản ánh việc mua cát của ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1980, trú tại khu 1, phường E, thành phố I, tỉnh Phú Thọ và ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1965, trú tại khu 7, xã X, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng số cát, sỏi là: 202.446m^3 cát = 14.247.800.000 đồng (trong đó ông T1 là 182.678m^3 = 12.813.800.000 đồng, ông Y là 19.768m^3 = 1.434.000.000 đồng). Tuy nhiên Nguyễn Văn N chỉ đưa vào hạch toán chi phí hợp lý trên sổ sách kế toán và báo cáo tài chính để quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp tổng số 197.646m^3 cát, sỏi là: 13.807.800.000 đồng.

Ngày 20/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định số 24, Trưng cầu Giám định viên Sở tài chính tỉnh Vĩnh Phúc giám định tài chính kế toán, xác định hành vi vi phạm của Nguyễn Văn N và những người liên quan. Ngày 15/01/2018, Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc có Bản giám định tài chính số 01/GĐTP, kết luận:

- 09 tờ hoá đơn GTGT của Công ty MQVP và Công ty VTTM Vĩnh Phúc không có giao dịch hàng hoá, dịch vụ. Công ty A đã sử dụng kê khai quyết toán thuế là sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.

- Nguyễn Văn N, nguyên Giám đốc Công ty A mua 09 tờ hóa đơn GTGT ghi không hàng hóa, dịch vụ của Công ty MQVP và Công ty VTTM Vĩnh Phúc để hợp thức hàng hóa dịch vụ đầu vào và kê khai quyết toán với Chi cục thuế huyện V là hành vi trốn thuế, số tiền thuế trốn là: 194.437.057 đồng.

- Nguyễn Văn N, nguyên Giám đốc Công ty A lập không các chứng từ (Hợp đồng mua bán cung cấp cát, sỏi; biên bản nghiệm thu, phiếu nhập kho, phiếu chi tiền,...) phản ánh việc mua cát của ông Nguyễn Văn T1 và Nguyễn Văn Y để hạch toán chi phí giá vốn quyết toán thuế TNDN từ năm 2010 đến năm 2015 là vi phạm pháp luật. Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp thiếu không coi là trốn nhưng phải truy thu từ năm 2010 đến năm 2015 là: 639.028.750 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 833.465.807 đồng, trong đó số tiền thuế trốn là: 194.437.057 đồng và số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp không được coi là trốn nhưng phải truy thu là: 639.028.750 đồng. Số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp 639.028.750 đồng đã

được nộp vào Kho bạc nhà nước huyện V theo Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước số 492 ngày 20/4/2018.

Ngày 15/01/2018 Giám định viên tư pháp về tài chính, kế toán - Sở Tài chính có Kết luận giám định số 01/GĐTP kết luận: Nguyễn Văn N - Giám đốc Công ty A có hành vi trốn thuế GTGT với số tiền thuế trốn là: 194.437.057 đồng. Tuy nhiên trong 07 hóa đơn Nguyễn Văn M bán cho Nguyễn Văn N, có 02 hóa đơn gồm: Số 01 ngày 15/7/2011 và số 38 ngày 03/12/2011 với tổng tiền hàng là: 698.281.816 đồng, thuế GTGT là 69.828.182 đồng, được Công ty A quyết toán thuế vào ngày 19/3/2012, tính đến hết ngày 19/3/2017 là trên 05 năm (hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKS-P3 ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội "Trốn thuế" theo khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc luận tội đối với bị cáo giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 161; điểm p, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 130.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Vĩnh Phúc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn N thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nên có đủ căn cứ để chứng minh và kết luận:

Trong quá trình kinh doanh hàng hóa, từ tháng 7/2011 đến tháng 12/2012, để hợp thức cho hàng hóa dịch vụ đầu vào không có hóa đơn, Nguyễn Văn N đã trực tiếp mua trái phép 07 hóa đơn GTGT ghi khống mặt hàng là cước vận chuyển của Công ty Trách nhiệm hữu hạn MQVP do Nguyễn Văn M là Giám đốc (Nguyễn Văn M đồng thời cũng là kế toán của Công ty A) với tổng số tiền ghi trên 07 hóa đơn GTGT là: 1.822.809.984 đồng (trong đó tổng tiền hàng ghi trên hóa đơn là: 1.657.099.983 đồng, thuế GTGT là: 165.709.998 đồng) và trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9/2014, Nguyễn Văn N đã trực tiếp mua trái phép 02 hóa đơn GTGT ghi khống hàng hóa là dầu Diezen của Công ty Cổ phần vật tư thương mại Vĩnh Phúc với tổng số tiền thanh toán ghi trên 02 hóa đơn là: 315.997.650 đồng, (trong đó tổng tiền hàng là: 287.270.591 đồng, tổng tiền thuế GTGT là: 28.727.059 đồng). Sau đó Nguyễn Văn N đã chỉ đạo kế toán của công ty kê khai quyết toán thuế đối với 9 hóa đơn GTGT đã mua nhằm trốn nộp thuế GTGT với số tiền: 194.437.057 đồng. Ngày 15/01/2018 Giám định viên tư pháp về tài chính, kế toán - Sở Tài chính có Kết luận giám định số 01/GĐTP kết luận: Nguyễn Văn N - Giám đốc Công ty A có hành vi trốn thuế GTGT với số tiền thuế trốn là: 194.437.057 đồng. Tuy nhiên trong 07 hóa đơn Nguyễn Văn M bán cho Nguyễn Văn N, có 02 hóa đơn gồm: Số 01 ngày 15/7/2011 và số 38 ngày 03/12/2011 với tổng tiền hàng là: 698.281.816 đồng, thuế GTGT là 69.828.182 đồng, được Công ty A quyết toán thuế vào ngày 19/3/2012, tính đến hết ngày 19/3/2017 là trên 05 năm (hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự). Vì vậy Nguyễn Văn N chỉ phải chịu trách nhiệm Hình sự về số tiền thuế trốn là 124.608.875 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm vào tội "Trốn thuế" được quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999; tội phạm và hình phạt được quy định như sau:

"1. Người nào trốn thuế với số tiền từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng... thì bị phạt tiền từ một lần đến năm lần số tiền trốn thuế hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến hai năm".

[4] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, làm thất thu cho ngân sách Nhà nước. Do đó cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt: Tòa án có xem xét đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền trốn thuế bị cáo đã nộp tại cơ quan điều tra để khắc phục

hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, xử phạt đối với bị cáo với mức phạt tiền như đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Trong vụ án này còn có một số người liên quan như: Nguyễn Thị P, Phan Thị P, Nguyễn Thị U, Nguyễn Văn C không tham gia vào hoạt động mua bán hóa đơn nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Nguyễn Văn M - Nguyên Giám đốc Công ty MQVP, đồng thời là kế toán Công ty A biết việc Nguyễn Văn N mua 07 hóa đơn để hợp thức cho số hàng hóa dịch vụ mua vào không có hóa đơn để kê khai thuế nhằm trốn thuế với số tiền là 165.709.998 đồng, có dấu hiệu đồng phạm với Nguyễn Văn N về tội trốn thuế với vai trò giúp sức. Tuy nhiên trong 07 hóa đơn Nguyễn Văn M bán cho Nguyễn Văn N, có 02 hóa đơn gồm: Số 01 ngày 15/7/2011 và số 38 ngày 03/12/2011 với tổng tiền hàng là: 698.281.816 đồng, thuế GTGT là 69.828.182 đồng, được Công ty A quyết toán thuế vào ngày 19/3/2012, tính đến hết ngày 19/3/2017 là trên 05 năm (hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự). Đối với 5 số hóa đơn còn lại được Công ty A quyết toán thuế ngày 29/3/2013 nên vẫn còn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, vì vậy số tiền thuế trốn làm căn cứ để xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn M là 95.881.816 đồng. Tuy nhiên do số tiền thuế trốn dưới 100.000.000 đồng nên hành vi của Nguyễn Văn M không cấu thành tội phạm. Với hành vi bán trái phép 07 hóa đơn của Nguyễn Văn M, thu lợi 16.571.000 đồng (M mua hóa đơn với giá 10%, bán lại cho Công ty A 11%, thu lợi 1%) có dấu hiệu của tội Mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên do số lượng hóa đơn bán trái phép chưa đủ 10 số và số tiền thu lợi bất chính chưa đủ 30.000.000 đồng nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với M. Đối với số tiền thu lợi bất chính nêu trên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với Nguyễn Thị D - Giám đốc Công ty VTTM Vĩnh Phúc có hành vi bán trái phép 02 hóa đơn cho Công ty A với tổng tiền hàng ghi trên 02 hóa đơn là: 287.270.591 đồng, tổng tiền thuế GTGT là: 28.727.059 đồng, thu được số tiền là: 14.363.529 đồng (5% giá trị tiền hàng). Hành vi trên của Nguyễn Thị D có dấu hiệu của Tội mua bán trái phép hóa đơn. Tuy nhiên do lượng hóa đơn bán trái phép chưa đủ 10 số nên không cấu thành tội phạm. Cơ quan điều tra đã có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị D. Đối với số tiền 14.363.529 đồng thu được từ việc bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Thị D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra. Đối với số tiền này cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn A do bị cáo Nguyễn Văn N là người đại diện phải nộp cho Chi cục thuế huyện V số tiền thuế 194.437.057 đồng. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên tại cơ quan điều tra để trả cho Chi cục thuế huyện V.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 161; điểm p, b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Nguyễn Văn N số tiền 130.000.000 triệu đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Xác nhận Công ty Trách nhiệm hữu hạn A do bị cáo Nguyễn Văn N là người đại diện đã nộp cho Cơ quan điều tra công an tỉnh Vĩnh Phúc số tiền 194.437.057 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm ba bảy nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng).

Trả cho Chi cục Thuế huyện V số tiền 194.437.057 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu, bốn trăm ba bảy nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.363.529 đồng (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm hai chín đồng) do Nguyễn Thị D bán trái phép hóa đơn mà có.

Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị D đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số AA/2015/0003258 ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

Truy thu của Nguyễn Văn M 16.571.000 đồng (Mười sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) là tiền thu lời từ việc bán trái phép hóa đơn mà có để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Phúc;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Thái